

Phụ Chú Giải Tập Yếu Luật Tạng – 11. Luận giải về sự quyết định liên quan đến việc phạm vào mua bán

11. Kayavikkayasamāpattivinicchayakathā

11. Lời Giải Thích Về Sự Quyết Định Liên Quan Đến Việc Phạm Vào Mua Bán

57. Kayavikkayasamāpattī kayavikkayasamāpajjanam. “Iminā imam dehī”tiādinā (pārā. aṭṭha. 2.595) hi nayena parassa kappiyabhaṇḍam gaṇhanto kayam samāpajjati, attano kappiyabhaṇḍam dento vikkayam. Ayam pana kayavikkayo ṭhapetvā pañca sahadhammike avasesehi gihipabbajitehi antamaso mātāpitūhipi saddhim na vaṭṭati.

57. Việc phạm vào mua bán có nghĩa là việc thực hiện mua và bán. Thật vậy, bằng cách nói: “Hãy đưa vật này đổi lấy vật này,” v.v., (pārā. aṭṭha. 2.595) khi nhận vật dụng thích hợp của người khác, vị ấy phạm vào việc mua; khi đưa vật dụng thích hợp của mình, vị ấy phạm vào việc bán. Việc mua bán này, ngoại trừ với năm hạng đồng phạm hạnh, không được phép thực hiện với những người còn lại, dù là tại gia hay xuất gia, thậm chí cả với cha mẹ.

Tatrāyam vinicchayo – vatthena vā vattham hotu, bhattacha vā bhattacham, yam kiñci kappiyam “iminā imam dehī”ti vadati, dukkaṭam. Evam vatvā mātuyāpi attano bhaṇḍam deti, dukkaṭam, “iminā imam dehī”ti vutto vā “imam dehi, imam te dassāmī”ti tam vatvā vā mātuyāpi bhaṇḍam attanā gaṇhāti, dukkaṭam, attano bhaṇḍe parahattham, parabhaṇḍe ca attano hattham sampatte nissaggiyam pācittiyam. Mātaram vā pana pitaram vā “imam dehī”ti vadato viññatti na hoti, “imam gaṇhāhī”ti dadato saddhādeyyavinipātanam na hoti. Aññātakam “imam dehī”ti vadato viññatti, “imam gaṇhāhī”ti dadato saddhādeyyavinipātanam, “iminā imam dehī”ti kayavikkayam āpajjato nissaggiyam. Tasmā kappiyabhaṇḍam parivattantena mātāpitūhipi saddhim kayavikkayam, aññātakehi saddhim tisso āpattiyo mocentena parivattetabbam.

Đây là sự quyết định trong đó – dù là y phục đổi y phục, hay thực phẩm đổi thực phẩm, bất cứ vật dụng thích hợp nào mà vị ấy nói: “Hãy đưa vật này đổi lấy vật này,” thì phạm tội Tác Ác. Sau khi nói như vậy, dù đưa vật dụng của mình cho mẹ, cũng phạm tội Tác Ác. Khi được yêu cầu: “Hãy đưa vật này đổi lấy vật này,” hoặc sau khi nói với người kia: “Hãy đưa vật này, tôi sẽ đưa cho ông vật này,” dù nhận vật dụng của mẹ, cũng phạm tội Tác Ác. Khi vật dụng của mình đến tay người khác, và vật dụng của người khác đến tay mình,

thì phạm tội Ưng Đối Trị phải xả bỏ. Tuy nhiên, khi nói với mẹ hoặc cha: “Xin hãy đưa vật này,” thì không phải là sự xin xỏ. Khi đưa và nói: “Xin hãy nhận vật này,” thì không phải là làm hỏng của cúng dường do đức tin. Khi nói với người không phải quyến thuộc: “Hãy đưa vật này,” là sự xin xỏ. Khi đưa và nói: “Hãy nhận vật này,” là làm hỏng của cúng dường do đức tin. Khi phạm vào việc mua bán bằng cách nói: “Hãy đưa vật này đổi lấy vật này,” là tội phải xả bỏ. Do đó, khi trao đổi vật dụng thích hợp, cần phải trao đổi sao cho tránh được ba tội lỗi: việc mua bán với cả cha mẹ, và ba tội lỗi với người không phải quyến thuộc.

Tatrāyaṃ parivattanavidhi – bhikkhussa pātheyyatanḍulā honti, so antarāmagge bhattahatthaṃ purisaṃ disvā “amhākaṃ taṇḍulā atthi, na ca no imehi attho, bhattena pana attho”ti vadati, puriso taṇḍule gahetvā bhattaṃ deti, vaṭṭati. Tissopi āpattiyo na honti, antamaso nimittakammamattampi na hoti. Kasmā? Mūlassa atthitāya. Yo pana evaṃ akatvā “iminā imaṃ dehī”ti parivatteti, yathāvatthukameva. Vighāsādaṃ disvā “imaṃ odanaṃ bhuñjitvā rajanaṃ vā dārūni vā āharā”ti vadati, rajanachalligaṇanāya dārugaṇanāya ca nissaggiyāni honti. “Imaṃ odanaṃ bhuñjitvā imaṃ nāma karoṭhā”ti dantakārādīhi sippikehi dhammakaraṇādīsu taṃ taṃ parikkhāraṃ kāreti, rajakehi vā vatthaṃ dhovāpeti, yathāvatthukameva. Nahāpitena kese chindāpeti, kammakārehi navakammaṃ kāreti, yathāvatthukameva. Sace pana “idaṃ bhattaṃ bhuñjitvā idaṃ karoṭhā”ti na vadati, “idaṃ bhattaṃ bhuñja, bhuttosī, bhuñjissasi, idaṃ nāma karoḥī”ti vadati, vaṭṭati. Ettha ca kiñcāpi vatthadhovane vā kesacchedane vā bhūmisodhanādinavakamme vā parabhaṇḍaṃ attano hatthagataṃ nissajjitabbaṃ nāma natthi, **mahāaṭṭhakathāyaṃ** pana daḷhaṃ katvā vuttattā na sakkā etaṃ paṭikkhipituṃ, tasmā yathā nissaggiyavatthumhi paribhutte vā naṭṭhe vā pācittiyaṃ deseti, evamidhāpi desetabbaṃ.

Đây là phương pháp trao đổi trong đó – một vị Tỳ-khưu có gạo để dùng trên đường đi, vị ấy thấy một người đàn ông mang theo cơm và nói: “Chúng tôi có gạo, nhưng chúng tôi không cần đến nó, mà cần đến cơm.” Người đàn ông nhận gạo và đưa cơm, thì được phép. Ba tội lỗi cũng không phát sinh, thậm chí không có cả hành vi ra dấu. Tại sao? Vì có vật gốc. Vị nào không làm như vậy mà trao đổi bằng cách nói: “Hãy đưa vật này đổi lấy vật này,” thì (phạm tội) tùy theo vật đó. Khi thấy người ăn đồ thừa, vị ấy nói: “Hãy ăn phần cơm này rồi mang về thuốc nhuộm hoặc củi,” thì tùy theo số lượng thuốc nhuộm và củi mà (các vật) trở thành vật phải xả bỏ. Khi nói: “Hãy ăn phần cơm này rồi làm việc này,” và sai các thợ thủ công như thợ chạm ngà làm các vật dụng khác nhau trong các công việc hợp pháp, hoặc sai thợ giặt giặt y, thì (phạm tội) tùy theo vật đó. Khi sai thợ cạo cắt tóc, sai thợ làm công việc mới, thì (phạm tội) tùy theo vật đó. Tuy nhiên, nếu không nói: “Hãy ăn phần cơm này rồi làm việc này,” mà nói: “Hãy ăn phần cơm này, ông đã ăn, ông

sẽ ăn, hãy làm việc này,” thì được phép. Và ở đây, mặc dù trong việc giặt y, cắt tóc, hoặc công việc mới như dọn dẹp mặt bằng, không có vật dụng của người khác đến tay mình để phải xả bỏ, nhưng vì đã được nói một cách chắc chắn trong **Đại Chú Giải**, nên không thể bác bỏ điều này. Do đó, giống như khi sử dụng hoặc làm mất vật phải xả bỏ rồi sám hối tội Ưng Đối Trị, ở đây cũng phải sám hối như vậy.

Yam kiñci kappiyabhaṇḍam gaṇhitukāmatāya aggaṃ pucchitum vaṭṭati, tasmā “ayaṃ tava patto kiṃ aggaṭi”ti pucchite “idaṃ nāmā”ti vadati, sace attano kappiyabhaṇḍam mahaggaṃ hoti, evañca naṃ paṭivadati “upāsaka mama idaṃ vatthu mahaggaṃ, tava pattaṃ aññassa dehī”ti. Taṃ sutvā itaro “aññaṃ thālakampi dassāmī”ti vadati, gaṇhitum vaṭṭati. Sace so patto mahaggaṃ, bhikkhuno vatthu appaggaṃ, pattaśāṃmiko cassa appaggaḥbhāvaṃ na jānāti, patto na gaḥetabbo, “mama vatthu appagga”nti ācikkhitabbaṃ. Mahaggaḥbhāvaṃ ñatvā vañcetaṃ gaṇhantaṃ hi bhaṇḍam aggaḥpetvā kāreṭabbataṃ āpajjati. Sace pattaśāṃmiko “hotu, bhante, sesaṃ mama puññaṃ bhavissati”ti deti, vaṭṭati. Kappiyakāraḥkassa pana “iminā imaṃ gaḥetvā dehī”ti ācikkhitum vaṭṭati, tasmā yassa hatthato bhaṇḍam gaṇhāti, taṃ ṭhapetvā aññaṃ antamaso tassa puttabhāṭikampi kappiyakāraḥkaṃ katvā “iminā imaṃ nāma gaḥetvā dehī”ti ācikkhati, so ce cheko hoti, punappunaṃ apanetvā vivaditvā gaṇhāti, tuñhībhūtena ṭhātabbaṃ. No ce cheko hoti, na jānāti gaḥetum, vāṇijako ca taṃ vañceti, “mā gaṇhāhi”ti.

Được phép hỏi giá với ý muốn nhận bất cứ vật dụng thích hợp nào. Do đó, khi được hỏi: “Bát của ông giá bao nhiêu?” và người kia trả lời: “Giá từng này,” nếu vật dụng thích hợp của mình có giá trị cao hơn, thì nên trả lời rằng: “Này thiện tín, vật này của tôi có giá trị cao, ông hãy đưa bát của ông cho người khác.” Nghe vậy, người kia nói: “Tôi sẽ đưa thêm một cái đĩa nữa,” thì được phép nhận. Nếu bát đó có giá trị cao, còn vật của Tỳ-khưu có giá trị thấp, và chủ bát không biết nó có giá trị thấp, thì không nên nhận bát, phải nói rõ rằng: “Vật của tôi có giá trị thấp.” Người lừa dối và nhận sau khi biết nó có giá trị cao cũng sẽ phải chịu trách nhiệm định giá và làm lại vật đó. Nếu chủ bát nói: “Thôi được, thưa ngài, phần còn lại sẽ là phước của con,” thì được phép. Tuy nhiên, được phép chỉ bảo cho người phục vụ thích hợp rằng: “Hãy lấy vật này đổi lấy vật này.” Do đó, ngoại trừ người mà mình nhận vật dụng từ tay, vị ấy có thể chỉ định một người khác, thậm chí là con trai hoặc anh em của người đó, làm người phục vụ thích hợp và chỉ bảo: “Hãy lấy vật này đổi lấy vật có tên này.” Nếu người đó khéo léo, biết mặc cả, thì nên im lặng đứng nhìn. Nếu không khéo léo, không biết cách lấy, và bị người bán lừa, thì nên nói: “Đừng lấy.”

“Idaṃ paṭiggahitaṃ telam vā sappi vā amhākaṃ atthi, amhākañca aññaṃ appaṭiggahitakena attho”ti vutte pana sace so taṃ gaḥetvā aññaṃ deti, paṭhamam attano telam na mināpetabbaṃ. Kasmā? Nāḷiyañhi avasiṭṭhatelaṃ hoti, taṃ pacchā minantassa appaṭiggahitaṃ dūseyya. Ayañca kayavikkayo nāma kappiyabhaṇḍavasena

vutto. Kappiyena hi kappiyaṃ parivattentassa kayavikkayasikkhāpadena nissaggiyaṃ vuttaṃ, akappiyena pana akappiyaṃ parivattentassa, kappiyena vā akappiyaṃ akappiyena vā kappiyaṃ parivattentassa rūpiyaṃvohārasikkhāpadena nissaggiyaṃ, tasmā ubhosu vā ekasmiṃ vā akappiye sati rūpiyaṃvohāro nāma hoti.

Khi nói: “Chúng tôi có dầu hoặc bơ đã được nhận này, nhưng chúng tôi cần loại khác chưa được nhận,” nếu người kia nhận lấy và đưa cho loại khác, thì trước tiên không nên đóng dầu của mình. Tại sao? Vì trong dụng cụ đóng có dầu còn sót lại, nếu đóng sau, nó sẽ làm hỏng loại chưa được nhận. Việc mua bán này được nói liên quan đến vật dụng thích hợp. Thật vậy, đối với người trao đổi vật thích hợp lấy vật thích hợp, điều học về mua bán quy định tội phải xả bỏ. Còn đối với người trao đổi vật không thích hợp lấy vật không thích hợp, hoặc trao đổi vật thích hợp lấy vật không thích hợp, hoặc vật không thích hợp lấy vật thích hợp, điều học về giao dịch bằng tiền bạc quy định tội phải xả bỏ. Do đó, khi cả hai hoặc một trong hai là vật không thích hợp, thì đó được gọi là giao dịch bằng tiền bạc.

58. Rūpiyaṃvohārassa ca garubhāvadīpanattham idam pattacatukkam veditabbam. Yo hi rūpiyaṃ uggaṇhitvā tena ayabījam samuṭṭhāpeti, tam koṭṭāpetvā tena lohena pattam kāreti, ayam patto mahāakappiyo nāma, na sakkā kenaci upāyena kappiyo kātum. Sacepi tam vināsetvā thālakaṃ kāreti, tampi akappiyaṃ. Vāsiṃ kāreti, tāya chinnadantakaṭṭhampi akappiyaṃ. Baḷisaṃ kāreti, tena mārītā macchāpi akappiyā. Vāsiṃ tāpetvā udakaṃ vā khīraṃ vā uṇhāpeti, tampi akappiyameva.

58. Và để chỉ ra mức độ nghiêm trọng của việc giao dịch bằng tiền bạc, cần phải biết về bốn loại bát này. Vị nào nhận tiền bạc, dùng nó để tạo ra hạt sắt, đập nó ra, rồi dùng sắt đó để làm bát, thì bát này được gọi là bát rất không thích hợp, không thể làm cho nó trở nên thích hợp bằng bất cứ phương cách nào. Ngay cả khi phá hủy nó để làm một cái đĩa, cái đó cũng không thích hợp. Nếu làm một cái riu, thì ngay cả tắm rửa răng được cắt bằng nó cũng không thích hợp. Nếu làm một cái lưỡi câu, thì ngay cả cá được giết bằng nó cũng không thích hợp. Nếu nung nóng riu để hâm nước hoặc sữa, thì cái đó cũng không thích hợp.

Yo pana rūpiyaṃ uggaṇhitvā tena pattaṃ kiṇāti, ayampi patto akappiyo. “Pañcannampi sahadhammikānaṃ na kappatī”ti **mahāpaccariyaṃ** vuttaṃ. Sakka pana kappiyo kātum. So hi mūle mūlasāmikānaṃ, patte ca pattasāmikānaṃ dinne kappiyo hoti, kappiyabhaṇḍaṃ datvā gahetvā paribhuñjitum vaṭṭati.

Vị nào nhận tiền bạc rồi dùng nó để mua bát, bát này cũng không thích hợp. Trong **Mahāpaccari** có nói: “Không thích hợp cho cả năm hạng đồng phạm hạnh.” Tuy nhiên, có thể làm cho nó trở nên thích hợp. Thật vậy, sau khi vật gốc được trả lại cho chủ nhân của vật gốc, và bát được trả lại cho chủ nhân của bát, nó trở nên thích hợp. Sau khi đưa vật dụng thích hợp và nhận lại, được phép sử dụng.

Yopi rūpiyaṃ uggaṇhāpetvā kappiyakārakena saddhiṃ kammārakulaṃ gantvā pattaṃ disvā “ayaṃ mayhaṃ rucati”ti vadati, kappiyakārako ca taṃ rūpiyaṃ datvā kammāraṃ saññāpeti, ayampi patto kappiyavohārena gahitopi dutiyapattasadisoyeva, mūlassa sampatichhitattā akappiyo. Kasmā sesānaṃ na kappatīti? Mūlassa anissaṭṭhattā.

Vị nào cho người khác nhận tiền bạc, rồi cùng với người phục vụ thích hợp đi đến lò rèn, thấy một cái bát và nói: “Cái này tôi thích,” và người phục vụ thích hợp đưa số tiền đó và ra hiệu cho người thợ rèn, bát này dù được nhận bằng cách giao dịch hợp pháp cũng giống như bát thứ hai, vì đã chấp nhận vật gốc nên nó không thích hợp. Tại sao không thích hợp cho những người còn lại? Vì vật gốc chưa được xả bỏ.

Yo pana rūpiyaṃ asampaṭicchitvā “therassa pattaṃ kiṇitvā dehī”ti pahitakappiyakāraṇena saddhiṃ kammāraṇaṃ gantvā pattaṃ disvā “ime kahāpaṇe gahetvā imaṃ dehī”ti kahāpaṇe dāpetvā gahito, ayaṃ patto etasseva bhikkhuno na vaṭṭati dubbicāritattā, aññesaṃ pana vaṭṭati mūlassa asampaṭicchitattā. Mahāsumattherassa kira upajjhāyo anuruddhatthero nāma ahosi. So attano evarūpaṃ pattaṃ sappissa pūretvā saṅghassa nissajji. Tipiṭakacūlanāgattherassa saddhivihārikānaṃ evarūpo patto ahosi. Taṃ theropi sappissa pūretvā saṅghassa nissajjāpesīti. Imaṃ akappiyapattacattakkaṃ.

Vị nào không nhận tiền bạc, mà đi cùng với người phục vụ thích hợp được sai đi với lời dạy: “Hãy mua bát cho vị trưởng lão,” đến lò rèn, thấy một cái bát và sai đưa tiền: “Hãy nhận những đồng kahāpaṇa này và đưa cái này,” rồi nhận lấy, bát này không được phép dùng cho chính vị Tỳ-khưu đó vì đã làm sai trái, nhưng được phép cho những người khác vì không nhận vật gốc. Tương truyền rằng, thầy tế độ của trưởng lão Mahāsumatthera là trưởng lão Anuruddhatthera. Ngài đã đổ đầy bơ vào một cái bát như vậy của mình rồi xả bỏ cho Tăng chúng. Các vị đệ tử của trưởng lão Tipiṭakacūlanāgatthera cũng có một cái bát như vậy. Vị trưởng lão đó cũng đã đổ đầy bơ vào bát rồi cho xả bỏ cho Tăng chúng. Đây là bốn loại bát không thích hợp.

Sace pana rūpiyaṃ asampaṭicchitvā “therassa pattaṃ kiṇitvā dehī”ti pahitakappiyakāraṇena saddhiṃ kammāraṇaṃ gantvā pattaṃ disvā “ayaṃ mayhaṃ ruccatī”ti vā “imāhaṃ gahessāmī”ti vā vadati, kappiyakāraṇa ca taṃ rūpiyaṃ datvā kammāraṃ saññāpeti, ayaṃ patto sabbakappiyo buddhānampi paribhogāraho. Imaṃ pana rūpiyaṃ vohāraṃ karontena “iminā imaṃ gahetvā dehī”ti kappiyakāraṇampi ācikkhituṃ na vaṭṭati.

Tuy nhiên, nếu không nhận tiền bạc, mà đi cùng với người phục vụ thích hợp được sai đi với lời dạy: “Hãy mua bát cho vị trưởng lão,” đến lò rèn, thấy một cái bát và nói: “Cái này tôi thích,” hoặc “Tôi sẽ lấy cái này,” và người phục vụ thích hợp đưa số tiền đó và ra hiệu cho người thợ rèn, bát này hoàn toàn thích hợp, xứng đáng để cả các vị Phật sử dụng. Tuy nhiên, khi thực hiện giao dịch bằng tiền bạc này, không được phép chỉ bảo ngay cả người phục vụ thích hợp rằng: “Hãy lấy vật này đổi lấy vật này.”

Iti pālimuttakavinayavinicchayaśaṅgahe

Như thế, trong Tập hợp phân tích giới luật ngoài Tam Tạng Pāli

Kayavikkayasamāpattivinicchayaśaṅgaṃ samattā.

Lời giải thích về sự quyết định liên quan đến việc phạm vào mua bán được chấm dứt.